

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/DS-ST

Ngày 22-02-2019

“Về việc tranh chấp quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Tính

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Hữu Khánh

Ông Nguyễn Văn Sol

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thanh Vũ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Nước tham gia phiên tòa

Bà Nguyễn Thị Hằng Mơ - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21, 22 tháng 02 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 202/2017/TLST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2017 Về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 413/2018/QĐXX-ST ngày 12 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Bùi Hoàng N, sinh năm 1954

Địa chỉ: Ấp Đức An, xã Phú Hưng, huyện C, tỉnh Cà Mau

Người đại diện theo ủy quyền của ông Bùi Hoàng N là ông Trương Minh Ch, sinh năm 1958 (Có mặt)

Địa chỉ: 124 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông Bùi Hoàng N: Bà Đỗ Cẩm Lài là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cà Mau (Vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Bùi Trọng S (Bùi Văn S), sinh năm 1959

Địa chỉ: Ấp Đức An, xã Phú Hưng, huyện C, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Bùi Trọng S, có Luật sư Ngô Đình Ch, Văn phòng Luật sư Ngô Đình Ch, Đoàn luật sư tỉnh Cà Mau (Có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lê Mộng Th, sinh năm 1960 là vợ ông Si (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Đức An, xã Phú Hưng, huyện C, tỉnh Cà Mau

2. Ông Bùi Văn Su, sinh năm 1949 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Đức An, xã Phú Hưng, huyện C, tỉnh Cà Mau

3. Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Cà Mau

Người đại diện theo pháp luật: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau.

4. Ngân hàng Nng nghiệp và Phát triển Nng thôn Việt Nam chi nhánh huyện C.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Th - Chức vụ: Giám đốc (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 8 năm 2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trương Minh Ch trình bày:

Nguồn gốc đất là của ông Bùi Văn Thân và bà Nguyễn Thị Luyến đã khai phá phần đất tổng diện tích là 8.000 m², phần đất tọa lạc tại ấp Đức An, xã Phú Hưng, huyện C, tỉnh Cà Mau nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 1993 khi ông N đi bộ đội về thì mẹ ông cùng với anh trai là Bùi Văn Su và em trai là Bùi Trọng S họp gia đình thống nhất cho ông N phần đất diện tích 2.000 m² khi cho chỉ nói miệng không lập thành văn bản, phần đất cho phía trên hậu đất của ông S và ông Su, khi cho không đo đạc mà chỉ cắm ranh, đào bờ để xác định vị trí đất.

Sau khi được mẹ cho đất ông N đi làm ăn xa đến năm 1998 trở về canh tác trên phần đất này cho đến nay, sau đó ông N có đo đạc thực tế phần đất ông quản lý, sử dụng có diện tích 2.196 m² ông N đến Ủy ban nhân dân huyện C để xin cấp được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất ông N đang quản lý, sử dụng thì phát hiện phần đất của ông N đã được cấp cho ông S và ông Su. Sau đó ông N có khởi kiện ông Su ra Tòa án thì đã được Tòa án buộc ông Su trả lại cho ông N phần đất với diện tích 1.031,8 m² và ông đã đứng tên quyền sử dụng đối với phần đất này. Đối với phần đất của ông S đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trùm lên phần đất của ông theo đo đạc thực tế có diện tích 1068,8m², ông N có yêu cầu ông S trả lại nhưng ông S không đồng ý. Nay ông N yêu Tòa án nhân dân huyện C công nhận diện tích đất canh tác và hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Bùi Văn S (Bùi Trọng S) với diện tích 1.068,8 m² tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C030542 tờ bản đồ số 0314, có tứ cận như sau: Hướng Đông giáp đất ông Bùi

Trọng S; Hướng Tây giáp quốc lộ 1A; Hướng Nam giáp phần đất ông Bùi Văn Bình; Hướng Bắc giáp đất ông Bùi Hoàng N. Đồng thời công nhận phần đất này cho ông N để ông N được đứng tên quyền sử dụng.

Các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là ông Bùi Trọng S trình bày: Trước đây mẹ ông để lại đất cho ông và ông Su nhưng không cho đất ông N vì mẹ ông có cho mà ông N không nhận đất. Ông được mẹ cho 3.660m² và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1995. Khi ông N về xin đất để canh tác, ông và ông Su thống nhất cho ông N 1.000m², đó là đất của ông Su chứ không phải của ông, vì ông thờ cúng cha mẹ nên ông Su thống nhất cho đất ông N chứ ông không cho đất ông N, hiện ông N đã được cấp quyền sử dụng đất diện tích là 1.031,8m² từ đất ông Su cho nên giữa ông và ông N không có tranh chấp gì. Phía ông N sửa sổ trong biên bản hòa giải năm 1998 tại xã Phú Hưng cho đất từ 1.000m² thành 1.980m² để lấy đất của ông. Hiện nay phần đất 1.000m² mà ông N yêu cầu ông cắt quyền sử dụng đất ông đang quản lý, sử dụng từ khi cha mẹ còn sống đến nay. Phần đất này ông đang thế chấp vay Ngân hàng Nng nghiệp và Phát triển Nng thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện C số tiền gốc là 33.500.000 đồng vào năm 2012. Hiện ông N yêu cầu ông tách quyền sử dụng đất diện tích là 1.000m² thì ông không đồng ý vì lúc trước đã cho đất ông N 1.000m² từ đất ông Su và ông N cũng đã được cấp quyền sử dụng đất diện tích là 1.031,8m². Trước đây ông và bà Th có vay Ngân hàng nhưng nay đã trả nợ xong vốn, lãi.

Các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Mộng Th trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của chồng là ông S, bà không đồng ý theo yêu cầu của ông N vì phía ông N đã được cho đất là 1.000 m² từ đất ông Su và ông N đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích là 1.031,8 m². Bà và ông S có vay Ngân hàng nhưng nay đã trả nợ xong vốn, lãi.

Các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Bùi Văn Su trình bày: Quan hệ giữa ông và ông N, ông S là anh em ruột. Năm 1987 mẹ ông có kêu ông N về nhận đất nhưng ông N chê không nhận nên mẹ chỉ chia đất cho ông và ông S. Khi ông N về xin đất thì mẹ ông không đồng ý chia đất cho ông N vì đã chia toàn bộ phần đất cho ông và ông S. Năm 1993 không họp gia đình để cho đất ông N vì khi đó ông N đang chấp hành hình phạt tù, sau đó thấy ông N không có đất sản xuất nên ông và ông S mới bàn bạc đồng ý cho ông N phần đất diện tích 1.000m² cắt từ đất ông vì ông được cho đất nhiều hơn ông S và ông S là con út thờ cúng cha mẹ nhưng chưa kịp đồng ý thì ông N khởi kiện ông tại Tòa án. Khi

tòa án xét xử cắt đất của ông diện tích là 1.031,8m² để cấp cho ông N, hiện phần đất ông N yêu cầu là của ông S.

Ngân hàng Nng nghiệp và Phát triển Nng thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện C có văn bản ý kiến như sau: Việc tranh chấp giữa ông N và ông S phía Ngân hàng không có ý kiến. Đối với ông Bùi Trọng S và vợ bà Lê Mộng Th trả nợ vay cho Ngân hàng số tiền gốc là 33.500.000 đồng, có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Ngân hàng để đảm bảo việc vay nợ. Tuy nhiên đến ngày 07/11/2017 ông Bùi Trọng S đã trả hết các khoản nợ vốn, lãi nên nay Ngân hàng Nng nghiệp và Phát triển Nng thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện C không có yêu cầu gì và xin vắng mặt tại Tòa án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án cho đến trước khi nghị án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Tại phiên tòa những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ 2 nên đề nghị Tòa án căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ các Điều 158, 159, 164, 166, 168 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 203 Luật đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của ông Bùi Văn N đối với ông Bùi Trọng S về việc công nhận phần đất tranh chấp 1.186,1m² theo đo đạc thực tế do ông S đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng buộc ông N để lại lối đi cho ông S từ đất của ông S ra Quốc lộ 1A.

Đối với yêu cầu của ông N về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông S xét thấy tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã giải thích rõ cho ông biết yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này của ông S không thuộc thẩm quyền của Tòa động viên ông rút lại một phần yêu cầu này. Tuy nhiên, ông N vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình, do đó đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu giải quyết vụ án do không thuộc thẩm quyền theo quy định tại Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự. Án phí các bên chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ông Bùi Hoàng N có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Cà Mau giải quyết buộc ông Bùi Trọng S, bà Lê Mộng Th trả phần đất diện tích là 1.186,1m². Vì ông S, bà Th có nơi cư trú tại Ấp Đức An, xã Phú Hưng, huyện C, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật dân sự.

Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Mộng Th; Ủy ban nhân dân huyện C; Ngân hàng Nng nghiệp và Phát triển Nng thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện C đã vắng mặt lần thứ 2 nên Tòa án căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định.

[2] Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa nguyên đơn ông Bùi Hoàng N với bị đơn là ông Bùi Trọng S, bà Lê Mộng Th là “Tranh chấp quyền sử dụng đất”. Do đó thẩm quyền giải quyết là của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại Điều 203 của Luật đất đai.

[3] Xét nội dung vụ án:

Các đương sự thông nhất xác định phần đất tranh chấp theo Bảng trích đo hiện trạng ngày 11 tháng 5 năm 2018 của Trung tâm kỹ thuật – Công nghệ – Quan trắc Tài nguyên và môi trường tỉnh Cà Mau thể hiện vị trí, hiện trạng như sau: Hướng Đông giáp phần đất ông Bùi Trọng S cạnh M2, M3 dài 18,43 mét; Hướng Tây giáp quốc lộ 1A cạnh M1, M4 dài 17,64 mét; Hướng Nam giáp phần đất ông Bùi Văn Bình cạnh M3, M4 dài 67,97 mét; Hướng Bắc giáp phần đất ông Bùi Hoàng N cạnh M1, M2 dài 65,92 mét. Tổng diện tích 1.186,1m², tọa lạc tại ấp Đức An, xã Phú Hưng, huyện C, tỉnh Cà Mau.

Ông N cho rằng phần đất này là của cha, mẹ ông là ông Bùi Văn Thân và bà Nguyễn Thị Luyến khai phá đến năm 1993 thì bà Luyến cùng với ông Bùi Văn Su, ông Bùi Trọng S hợp gia đình thống nhất cho ông diện tích khoảng 2.000m², việc cho đất chỉ nói bằng miệng chứ không có lập thành văn bản. Sau khi được cho đất thì ông không trực tiếp canh tác do đi làm ăn xa đến năm 1998 thì ông trở về canh tác phần đất này cho đến nay. Trong quá trình sử dụng đất đến năm 1998 thì ông phát hiện ông S đứng tên quyền sử dụng đất nên ông có yêu cầu ông S phải cắt quyền sử dụng đất để trả lại diện tích đất cho tôi.

Đối với ông Bùi Trọng S cho rằng phần đất tranh chấp này do cha của ông là ông Bùi Văn Thân và bà Nguyễn Thị Luyến cho ông vào năm 1992, ông đã được Ủy

ban nhân dân huyện C cấp quyền sử dụng đất cho ông vào năm 1995, từ đó ông quản lý, sử dụng cho đến nay nên ông không đồng ý trả phần đất này cho ông N.

[4] Xét nguồn gốc đất tranh chấp:

Nguyên đơn, bị đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thống nhất xác định nguồn gốc đất tranh chấp diện tích 1.186,1m², tọa lạc tại ấp Đức An, xã Phú Hưng, huyện C, tỉnh Cà Mau là do cha, mẹ ông Bùi Hoàng N, Bùi Trọng S khai phá. Đối với ông N cho rằng mẹ ông là cụ Luyện cho đất ông vào năm 1993 nhưng không có làm bằng văn bản mà chỉ nói miệng. Hơn nữa tại biên bản năm 1998 chỉ cho ông phần đất diện tích 1.000m² nhưng sau đó ông tự đo đạc và sửa thành 1.980m². Do đó, phía ông N cho rằng có hợp gia đình vào năm 1993 để cho ông phần đất 1.000m² nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông S là không có cơ sở.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy của ông N là ông Trương Minh Ch xuất trình các tài liệu, chứng cứ gồm: Biên bản giải quyết ngày 10/7/1998; Biên bản họp dân ngày 16/4/2003; Biên bản làm việc của Phòng tài nguyên và Môi trường ngày 24/9/2010; Biên lai thuê và các giấy xác nhận của những hộ dân sống tại địa phương. Xét thấy vụ án này tranh chấp kéo dài nhiều năm, ông N đã khởi kiện đối với ông Bùi Văn Su, sau đó ông N tiếp tục khởi kiện đối với ông Bùi Trọng S. Vụ án đã được giải quyết bằng nhiều Bản án, đến ngày 13/7/2017 Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử tại Bản án số: 96/2017/DS-PT, hủy Bản án sơ thẩm số 06/2015/DS-ST ngày 15/01/2015 của Tòa án nhân dân huyện C và đình chỉ giải quyết vụ án giữa nguyên đơn là ông Bùi Hoàng N và bị đơn là ông Bùi Trọng S. Mặc khác, ông N cho rằng tại các Bản án xét xử thì phía ông S cũng thừa nhận cho ông 1.000m² nhưng hiện không thừa nhận. Tại Bản án số: 33/PTDS ngày 09.3.2005 xác định việc tranh chấp giữa ông Bùi Hoàng N và ông Bùi Văn Su, ông Bùi Trọng S là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, giữa ông N và ông S không tranh chấp với nhau. Tại Công văn số 344/TAT- DS về việc giải thích sửa chữa Bản án ngày 15 tháng 09 năm 2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau có nội dung: “Bản án phúc thẩm số: 33/DS-PT ngày 09/3/2004 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau chấp nhận kháng cáo của ông Bùi Hoàng N, công nhận diện tích đất tranh chấp theo đo đạc thực tế 2.196 m² thuộc quyền sử dụng của ông N, hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa số 0313 do ông Bùi Văn Su đứng tên quyền sử dụng đất để điều chỉnh cấp lại cho ông Bùi Văn N (tứ cận có số đo). Diện tích đất tranh chấp được công nhận nêu trên là không đúng với diện tích tranh chấp giữa ông N và ông Su theo đo đạc thực tế là 1.031,8 m² nêu trên là do nhầm lẫn, do sơ đồ đo đạc ghi diện tích đất tranh chấp là diện tích bao gồm cả phần đất giữa ông N và ông S không có tranh chấp. Do đó trong quá trình giải quyết tranh chấp ở hai Bản án sơ thẩm và phúc thẩm không

xem xét đối với diện tích đất ông N quản lý nhưng ông S đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”. Đối với ông S không thừa nhận có cho đất ông N phần diện tích đất tranh chấp nêu trên; Phía ông N không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh cho rằng ông S đã cho đất cho ông. Xét tại hồ sơ không thể hiện văn bản nào cho rằng ông S tặng cho đất như ông N đã trình bày, hơn nữa hai bên không thực hiện việc công chứng, đăng ký chuyển quyền sử dụng đất tại Cơ quan có thẩm quyền nên việc ông N cho rằng ông S cho đất cho ông là không có giá trị pháp lý theo quy định tại Điều 168 Bộ luật dân sự và Luật Đất đai.

Đồng thời tại Biên bản làm việc ghi nhận ý kiến của các đương sự và đại diện chính quyền địa phương gồm: Bà Bùi Thị Ph, ông Bùi Văn Su, ông Huỳnh Văn B cùng xác định nguồn gốc phần đất tranh chấp diện tích 1.186,1m², tọa lạc tại ấp Đức An, xã Phú Hưng, huyện C, tỉnh Cà Mau là của cụ Bùi Văn Thân và Nguyễn Thị Luyện khai phá, sau đó cho lại Bùi Trọng S, do ông S ở chung với cha, mẹ từ nhỏ, cho đến năm 1995 thì ông S đăng ký, kê khai làm quyền sử dụng đất và được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quản lý, sử dụng cho đến nay. Ông S là người nuôi cha, mẹ và là người quản lý mồ mã, thờ cúng ông bà, cha mẹ nên S được cho phần đất này xem như là đất hương quả, thờ cúng ông bà, cha mẹ. Ngoài diện tích đất tranh chấp này thì ông S không còn phần đất nào khác làm lối đi, nhà cửa và khu mồ mã đều nằm phía bên trong, đất tranh chấp nằm phía ngoài Quốc lộ 1A đây là lối đi duy nhất.

Tại Công văn số: 02/PTNMT ngày 09/01/2015 của Phòng tài nguyên và Môi trường huyện C phúc đáp Công văn số: 207/CV-TA ngày 04/12/2014 của Tòa án nhân dân huyện C có nội dung: “Về trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận cho ông Bùi Trọng S là đúng theo trình tự, thủ tục của pháp luật quy định”.

[5] Đối chiếu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa hôm nay thấy rằng phần đất tranh chấp có tứ cận: Hướng Đông giáp phần đất ông Bùi Trọng S cạnh M2, M3 dài 18,43 mét; Hướng Tây giáp quốc lộ 1A cạnh M1, M4 dài 17,64 mét; Hướng Nam giáp phần đất ông Bùi Văn Bình cạnh M3, M4 dài 67,97 mét; Hướng Bắc giáp phần đất ông Bùi Hoàng N cạnh M1, M2 dài 65,92 mét. Tổng diện tích 1.186,1m², tọa lạc tại ấp Đức An, xã Phú Hưng, huyện C, tỉnh Cà Mau đã được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Bùi Trọng S đúng theo quy định, ông S đã canh tác, quản lý, sử dụng ổn định từ trước đến nay phía ông N không có ý kiến gì. Ông N không có chứng cứ gì chứng minh cho việc khởi kiện yêu cầu ông S trả lại phần đất này. Do đó, Hội đồng xét xử thấy yêu cầu của ông Bùi Hoàng N là không có cơ sở chấp nhận. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Hoàng N đối với ông Bùi Trọng S.

[6] Đối với phân thành quả, đầu tư cải tạo đất: Hiện nay trên phần đất này ông S đang quản lý, sử dụng. Ông N và ông S xác định không có trồng cây, đầu tư, cải tạo đất. Đồng thời ông N, ông S không có yêu cầu tranh chấp gì đối với tài sản trên đất nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Đối với tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí định giá tài sản: Do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Hoàng N nên buộc ông Bùi Hoàng N phải chịu tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 4.033.000 đồng và tiền chi phí định giá tài sản là 4.400.000 đồng, ông N đã nộp xong.

[8] Đối với Ngân hàng Nng nghiệp và Phát triển Nng thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện C xác định đã thu hồi công nợ đối với ông Bùi Trọng S, bà Lê Mộng Th nay không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc ông Bùi Hoàng N phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các Điều 26, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2015; Các Điều 158, 159, 164, 168 Bộ luật dân sự; Điều 203 Luật đất đai; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH12 ngày 27 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Hoàng N đối với ông Bùi Trọng S (Bùi Văn S) về việc yêu cầu công nhận phần đất tranh chấp diện tích 1.186,1 m², tọa lạc tại ấp Đức An, xã Phú Hưng, huyện C, tỉnh Cà Mau và yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Bùi Trọng S (Bùi Văn S).

Phần đất có vị trí tứ cận: Hướng Đông giáp phần đất ông Bùi Trọng S cạnh M2, M3 dài 18,43 mét; Hướng Tây giáp quốc lộ 1A cạnh M1, M4 dài 17,64 mét; Hướng Nam giáp phần đất ông Bùi Văn Bình cạnh M3, M4 dài 67,97 mét; Hướng Bắc giáp phần đất ông Bùi Hoàng N cạnh M1, M2 dài 65,92 mét. Tổng diện tích 1.186,1 m².

2. Đối với tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí định giá tài sản: Ông Bùi Hoàng N phải chịu tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 4.033.000 đồng và tiền chi phí định giá tài sản là 4.400.000 đồng, ông N đã nộp xong.

3. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc ông Bùi Hoàng N phải chịu số tiền là 28.080.600 đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C khi án có hiệu lực pháp luật.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu HS-VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Minh Tính